

Bản án số: 40/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30/12/2022

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỐ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Chiếu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phố Yên.

- ***Đại diện VKSND thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Bảo Anh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 214/2022/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXX - ST ngày 13/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐHPT ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thúy A, sinh năm 1999

HKTT: TDP DB, phường TH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Gia T, sinh năm 1999

HKTT: TDP TH, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

(vắng mặt chị Thúy A lần thứ nhất – có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt anh T không có lý do lần 2 tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/10/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thúy A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Gia T tự nguyện kết hôn năm 2019, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐT, thị xã PY (nay là thành phố Phố

Yên), tỉnh Thái Nguyên. Được UBND phường ĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 18/7/2019.

Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống cùng với mẹ đẻ anh T tại xóm TH, xã TT (nay là TDP TH, phường TT) do bố mẹ anh T đã ly hôn. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, nghe lời rủ rê của bạn bè đánh cá cược trên mạng dẫn đến việc nợ nần số tiền rất lớn, gia đình thường xuyên có người đến đòi nợ khiến cuộc sống vợ chồng không yên ổn. Từ khi mắc nợ, anh T cũng không chịu tu chí làm ăn để trả nợ, cũng không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Cuộc sống khó khăn về kinh tế, con còn nhỏ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi vã, mâu thuẫn, anh chị cũng đã ly thân nhiều tháng nay và cả hai đều không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nên chị đã làm đơn xin ly hôn. Tại đơn xin ly hôn, anh T cũng có ký đơn đồng ý ly hôn cùng chị, tuy nhiên sau đó thì anh T không lên Tòa án. Quan điểm anh đã ký đơn thì tự chị đến Tòa án đề giải quyết, anh không lên Tòa án. Quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T vì xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/01/2020. Hiện con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu hiện còn nhỏ, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Gia T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không chấp hành các giấy báo gọi của Tòa án, không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung của chị A.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương – ông Lương Văn V và bà Lương Thị H – là bà ngoại của anh T (anh T hiện đang ở cùng với bà Huyền), được cung cấp thông tin như sau: Anh Nguyễn Gia T và chị Đỗ Thúy A kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chuyển về sinh sống cùng mẹ đẻ anh T là chị Nguyễn Thị Minh P (con gái bà H). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế do anh T chơi trên mạng và cũng mất một số tiền lớn. Chị A do anh T nợ nần cũng đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó không về chung sống với anh T nữa. Anh T sau khi vợ bỏ về nhà ngoại, mẹ đẻ thì thường xuyên không có ở nhà nên anh T đã vào ở cùng với bà cho đến nay.

Sau khi biết tin anh chị ly hôn, bà cũng đã động viên anh T lên Tòa án đề giải quyết nhưng anh T cho rằng đã ký đơn ly hôn thì tự chị A giải quyết một

mình. Trường hợp anh T không lên Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục vắng mặt anh T.

Ông Lương Văn V – tổ phó TDP TH, TT cung cấp thông tin: Anh T là công dân của TDP TH, phường TT. Anh T có kết hôn với chị Thúy A là người ở xã T H (nay là phường TH). Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị có mâu thuẫn hay không, chính quyền địa phương không nắm được vì anh chị không báo cáo, cũng không yêu cầu hòa giải. Tuy nhiên, anh chị đã không chung sống cùng nhau nhiều tháng nay.

Hiện anh T đang ở nhà của bà Lương Thị H (là bà ngoại anh T) do mẹ anh T là chị P làm nghề kinh doanh tự do, thường xuyên không có nhà. Anh T cũng không có nghề nghiệp ổn định, làm công việc gì, chính quyền địa phương cũng không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Gia T không thực hiện đúng. VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Thúy A được ly hôn anh T.

+ Về con chung: áp dụng 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị giao con chung Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/01/2020 cho chị Đỗ Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có yêu cầu. Anh T được quyền thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

+ Án phí: chị Thúy A chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng

[1.1]*thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Đỗ Thúy A khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Gia T, anh T có đăng ký nhân khẩu thường trú TDP TH, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên.

[1.2].*Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Thúy A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết, anh T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, QĐ đưa vụ án ra xét xử, QĐ hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, VKSND thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS 2015

{2}. Về nội dung:

[2.1]: *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thúy A và anh Nguyễn Gia T tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường ĐT ngày 18/7/2019, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo chị A trình bày xuất phát từ mâu thuẫn kinh tế, anh T chơi cá cược trên mạng máy tính dẫn đến mất một số tiền lớn, không có khả năng trả trả dẫn đến các chủ nợ thường xuyên đến nhà đòi tiền khiến tinh thần gia đình luôn bị đe dọa. Sau đó anh cũng không chịu tu chí làm ăn để trả nợ mà buông xuôi, mặc cho các chủ nợ đến gia đình uy hiếp tinh thần của chị và gia đình. Chị đã phải đưa con về nhà bố mẹ để ở TH, PY sinh sống, trên thực tế, anh chị đã không chung sống cùng nhau nhiều tháng nay và cũng không ai có nguyện vọng về đoàn tụ vợ chồng.

Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, chị đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án. Quá trình giải quyết và tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin được ly hôn anh T vì vợ chồng không còn khả năng để đoàn tụ.

Anh Nguyễn Gia T tuy đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo đến phiên hòa giải nhưng vắng mặt, không thể hiện quan điểm về việc chị A xin ly hôn cũng như đề nghị được nuôi con của chị A. Điều đó cho thấy, anh cũng không có ý muốn níu kéo quan hệ vợ chồng với chị A và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó qua thông tin gia đình anh T, chính quyền địa phương cung cấp cho thấy mâu thuẫn giữa chị A và

anh T là có và trên thực tế, anh chị cũng đã ly thân, bản thân anh T cũng không có ý định đoàn tụ vợ chồng cùng với chị A,

HĐXX xét thấy đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, cho chị A được ly hôn anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị của VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

{4}. *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có con chung là cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/01/2020. Khi ly hôn, chị A đề nghị được nuôi con chung vì con chung vẫn còn bé, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết nên không có ý kiến về con chung. HĐXX xét thấy cháu Nguyễn Khánh D đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng...”, chị A không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì từ khi sinh con cho đến nay, con chung được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A hiện đang làm tại Công ty HEV, lương tháng trung bình từ 7-8 triệu đồng. Đề chứng minh về điều kiện nuôi con, chị A đã nộp cho Tòa án bản sao kê tài khoản thể hiện mức thu nhập hàng tháng của chị. Đối với anh T, từ khi vợ chồng ly thân, con chung do chị A nuôi dưỡng, anh T không quan tâm, chu cấp cho con về kinh tế. Bên cạnh đó, anh cũng không thể hiện quan điểm về con chung khi vợ chồng ly hôn, do vậy, để đảm bảo cho con chung có điều kiện để phát triển tốt nhất, cần giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

{5}. *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay và nợ ai tài sản gì, do vậy không đặt ra việc giải quyết.

{6}. *Án phí*: Chị A chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

{7}. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 51, 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Đỗ Thúy A với anh Nguyễn Gia T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thúy A được ly hôn anh Nguyễn Gia T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/01/2020 cho chị Đỗ Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động (hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay và nợ ai tài sản gì, do vậy không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: chị Đỗ Thúy A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, biên lai thu số 0002353 ngày 05/10/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị A, anh T, báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND phường Đồng Tiến;;
- Các Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hải Chiều

